TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/DS-ST
Ngày: 30 - 06-2023
V/v: "Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Dung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lýsố: 64/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc"Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và Chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1936; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt".

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định."vắng mặt"

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

2. Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "cómặt"

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 4, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định."có mặt"

6. Ông Nguyễn Duy D1, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 1, xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt"

7. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 6, xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "cómặt"

8. Ông Nguyễn Văn D3, sinh năm1980; địa chỉ: Xóm Đông Tây, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. "có mặt"

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà V, bà L, ông D2, ông D3: Ông Nguyễn Duy D1.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Bà Lại Thị Kim Anh - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Vũ Trình. "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, và tại phiên tòa nguyên đơn cụ Nguyễn Thị N trình bày*:

Cụ Nguyễn Thị N và cụ Nguyễn Xuân B (tên gọi khác là Nguyễn Xuân Đ1) sinh năm 1931 (chết năm 2015) kết hôn với nhau và sinh được 09 người con gồm: Ông Nguyễn Xuân Đ; ông Nguyễn Văn K; ông Nguyễn Xuân C; ông Nguyễn Văn S; bà Nguyễn Thị V; bà Nguyễn Thị L; ông Nguyễn Duy D1; ông Nguyễn Văn D2; ông Nguyễn Văn D3. Cụ Đ1 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Quá trình chung sống cụ Nguyễn Thị N và cụ Nguyễn Xuân B tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7, diện tích 1052 m^2(trong đó: ONT 296m^2, CLN 477m^2, NTS 279m2) được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I984264 ngày 22/1/1997, đứng tên hộ ông Nguyễn Xuân Đằng tại xã Hải An. Nguồn gốc đất là được bố mẹ đẻ cho từ lâu. Trên đất có các công trình đã hết giá trị khấu hao gồm: một nhà mái ngói kèo xà gồ tre luồng, tường quét vôi, nền láng vữa xi măng sửa chữa năm 2012; một chuồng chăn nuôi phía Bắc nhà mái ngói; một công trình mái ngói làm nhà ở, bếp; một sân gạch phía trước nhà và một miếu thờ phía Nam nhà mái ngói.

Năm 2015, cụ Đ1chết, không để lại di chúc, cụ N là người quản lý và sử dụng tài sản chung của vợ chồng từ đó đến nay. Nay sức khoẻ yếu nên cụ N

muốn phân chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế tài sản của cụ Ba để lại nhưng ông Nguyễn Xuân Đ không đồng ý và nói không liên quan đến vấn đề này. Vì để giữ tình cảm gia Đ cụ N đã nhiều lần nhờ chính quyền địa phương tiến hành hòa giải nhưng không giải quyết được. Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, cụ N làm đơn đề nghị: Chia tài sản chung vợ chồng giữa cụ Nguyễn Thị N và cụ Nguyễn Xuân B (Nguyễn Xuân Đ1) và chia thừa kế tài sản mà cụ Ba để lại trong khối tài sản chung là số thửa 64, tờ bản đồ số 7, diện tích 1052 m^2. Về công trình trên đất, cụ N không yêu cầu giải quyết vì hết giá trị khâu hao.Về chia di sản cụ N xin được nhận di sản bằng hiện vật và phần di sản được các con tặng cho lại cụ N xin nhận và xin nhận nộp án phí theo quy định.

* Tại *bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Xuân Đ trình bày* : Ông Đ có quan điểm thống nhất với phần trình bày của cụ N về mối quan hệ huyết thống gia Đ và tài sản chung của cụ N, cụ Ba tạo lập được trong quá trình chung sống. Nay cụ N khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế tài sản, quan điểm của ông Đ là ông không tranh chấp gì, ông không ký kết văn bản giấy tờ gì và nếu Tòa án chia thừa kế tài sản của cụ Ba theo quy định pháp luật thì kỷ phần ông được chia thì ông xin từ chối nhận di sản thừa kế, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Vì điều kiện sức khỏe yếu nên ông Đ xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên xét xử của Tòa án.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ôngNguyễn Văn K, ông Nguyễn Xuân C, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Duy D1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn D3* thống nhất quan điểm như cụ N trình bày về mối quan hệ huyết thống gia Đ và tài sản chung của cụ N, cụ Ba tạo lập được trong quá trình chung sống như cụ N trình bày là đúng. Nay cụ N khởi kiện, quan điểm của các ông bà là xin được nhận kỷ phần mình được chia và tặng cho lại cho cụ Nguyễn Thị N được hưởng và cụ N có trách nhiệm nộp án phí theo quy định pháp luật phần được tặng cho. Về công trình trên đất, các ông bà trên không yêu cầu giải quyết vì hết giá trị khâu hao.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Nhất trí phần trình bày của nguyên đơn, không ý kiến gì khác.

Tại phiên Tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định

của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về giải quyết nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 611, 612, 613, 650, 651, 660của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 228, 241của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 106 Luật Đất Đai 2013:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị N về việc chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế tài sản.

- Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ N, cụ B (Đ1) là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7, diện tích 1052 m^2(trong đó: ONT 296m^2, CLN 477m^2, NTS 279m2) được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I984264 ngày 22/1/1997, đứng tên hộ ông Nguyễn Xuân Đ1 tại xã Hải An, có tổng giá trị là 1.052.000.000 đồng. Các tài sản trên đất không xem xét giải quyết. Trong đó: Cụ N được chia quyền sử dụng trong khối tài sản chung của vợ chồng là 1052m^2 : 2 = 526m^2 trong khối tài sản chung; Phần di sản chia thừa kế của cụ Nguyễn Xuân Ba là 1052m^2 : 2 = 526m^2.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm 10 người thừa kế gồm cụ N và 09 con là ông Đ, ông K, ông C, ông S, bà V, bà L, ông D1, ông D2, ông D3. Do ông Đ từ chối nhận di sản thừa kế được chia nên di sản thừa kế của cụ Ba chia đều cho 09 xuất, mỗi người được hưởng là 526m^2 : 9 = 58,44 m^2. Cần ghi nhận sự tự nguyện của ông K, ông C, ông S, bà V, bà L, ông D1, ông D2, ông D3 về việc cho cụ N được hưởng xuất thừa kế của mình.

Do vậy, cụ Nguyễn Thị N được hưởng 1.052m^2 đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7 và để cụ N được sở hữu các công trình trên đất.

Về các vấn đề khác: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Cụ Nguyễn Thị N khởi kiện ông Nguyễn Xuân Đ yêu cầuchia tài sản chung vợ chồng, chia thừa kế tài sản; Bị đơn và tài sản đang tranh chấp đều có địa chỉ tại xóm 1 xã Hải An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu theo định tại Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa bị đơn là ông Nguyễn Xuân Đ vắng mặt có ý kiến xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về diện và hàng thừa kế:

Cụ N và cụ Ba kết hôn sinh được 09 người con chung là ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Xuân C, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Duy D1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn D3. Ngoài ra, cụ B không có con nuôi, con riêng gì khác.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm 10 người: cụ Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Xuân C, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Duy D1, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Văn D3.

[4] Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ và thẩm định, định giá tài sản thể hiện:

[4.1] Về trình tự, thủ tục khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày*22/01/1997 được UBND huyện Hải Hậu* cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I984264 đứng tên hộ cụ Nguyễn Xuân Đằng(tức cụ Nguyễn Văn Ba) tại thửa đất số 64, tờ bản đồ 7, diện tích 1052m^2 (trong đó: Đất ONT 296m^2, đất CLN 477m^2, đất NTS 279m^2),* hiện nay không có ai tranh chấp gì.

[4.2] Về thẩm định và định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tiến hành thẩm định, định giá, kết quả như sau:

Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất:

- Kết quả đo đạc thẩm định: Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7có diện tích 1052m^2; Hiện trạng sử dụng đúng với hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Kết quả định giá:

Hội đồng định giá đã định giá đất của Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7,có diện tích 1052 m^2; có giá là 1.000.000đ/m^2 .

Trên thửa đất có các công trình đã hết giá trị khấu hao gồm: một nhà mái ngói kèo xà gồ tre luồng, tường quét vôi, nền láng vữa xi măng sửa chữa năm 2012, kích thước 8.6m x 5.5m = 47.3m^2; một chuồng chăn nuôi phía Bắc nhà mái ngói; một công trình mái ngói làm nhà ở, bếp xuống cấp kích thước 14.0mx5.4m = 75.6m^2; một sân gạch phía trước nhà và một miếu thờ phía Nam nhà mái ngói không tiến hành định giá.

[5] Chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế:

Như vậy, có cơ sở khẳng định quá trình chung sống cụ Nguyễn Thị N và cụ Nguyễn Xuân B tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7, diện tích 1052 m^2(trong đó: ONT 296m^2, CLN 477m^2, NTS 279m2) được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I984264 ngày 22/1/1997, đứng tên hộ ông Nguyễn Xuân Đ1 tại xã Hải An, có tổng giá trị là 1.052.000.000 đồng (Các tài sản trên đất không yêu cầu giải quyết). Cụ N, cụ Ba là vợ chồng nên trong khối tài sản chung cụ N được chia 1052m^2 : 2 = 526m^2 đất; Phần di sản chia thừa kế của cụ Nguyễn Xuân B là phần đất có diện tích 1052m^2 : 2 = 526m^2.

Do cụ B chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của cụ B được chia theo quy định pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm 10 xuất thừa kế gồm cụ N và 09 con là ông Đ, ông K, ông C, ông S, bà V, bà L, ông D1, ông D2, ông D3. Do ông Đ từ chối nhận di sản thừa kế do cụ Đ (Ba) để lại nên di sản thừa kế của cụ B chia đều cho 09 xuất, mỗi người được hưởng là 526m^2 : 9 = 58,44 m^2.Ông K, ông C, ông S, bà V, bà L, ông D1, ông D2, ông D3 tự nguyện tặng cho lại cụ N được hưởng xuất thừa kế của mình nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Như vậy, cụ Nguyễn Thị N được quyền sử dụng toàn bộ đất có diện tích 1.052m^2 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7, đứng tên hộ ông Nguyễn Xuân Đ1 tại xóm 1 xã Hải An. Do các công trình trên đất đã hết giá trị khấu hao các đương sự không yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế các công trình xây dựng trên đất do hết giá trị, hiện nay cụ N đang là người quản lý nên để cụ N tiếp tục sử dụng là phù hợp pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng:Cụ Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản,không yêu cầu HĐXX giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ–UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Cụ Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Xuân C là người cao tuổi và đã có ý kiến xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ Nguyễn Thị N phải nộp phần án phí chia di sản thừa kế của 06 xuất thừa kế gồm ông S, bà V, bà L, ông D1, ông D2, ông D3.

[8]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia Đ; Điều 611, 612, 613, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 228, 241của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 106 Luật Đất Đai 2013:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị N về việc chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế tài sản.

2. Xác định tài sản chung của cụ Nguyễn Thị N và cụ Nguyễn Xuân B (Nguyễn Xuân Đ1) là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7, diện tích 1052 m^2(trong đó: ONT 296m^2, CLN 477m^2, NTS 279m2) được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I984264 ngày 22/1/1997, đứng tên hộ ông Nguyễn Xuân Đ1 tại xã Hải An.

3. Cụ Nguyễn Thị N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 1052 m^2(trong đó: ONT 296m^2, CLN 477m^2, NTS 279m2) tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 7, được UBND huyện Hải Hậu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I984264 ngày 22/1/1997, đứng tên hộ ông Nguyễn Xuân Đ1 tại xã Hải An,được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,1).

(Vị trí, chiều cạnh Có sơ đồ đo vẽ kèm theo.)

Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I984264 ngày 22/1/1997, đứng tên hộ ông Nguyễn Xuân Đ1 do cụ N giữ. Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của Bản án có hiệu lực pháp luật khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Cụ Nguyễn Thị N phải nộp 17.532.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sựcó quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS ;
- UBND xã Hải An;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng